TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25/01/2018

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

2/ Ông Lê Thanh Miện.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXX- ST ngày 28 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

- Bị đơn: Chị Đông Thị V, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 27/9/2017, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn (anh Nguyễn Văn T) trình bày: Anh và chị Đông Thị V kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 22/02/2000. Sau khi kết hôn, chị V về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình, được hai năm thì ra ở riêng. Quá trình chung sống, anh xác định sau khi chị V đi làm ăn tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội năm 2006 thì chị V thờ ơ với anh, bỏ mặc cho anh một mình nuôi con, anh có gọi chị V về nhưng chị V không về. Vợ chồng sống ly thân đã gần 10 năm, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị V không hề quan tâm gì đến anh và các con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị V không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đông Thị V. Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn chị V.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/10/2002 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 27/10/2005. Hiện nay hai cháu vẫn ở với anh T và ông bà nội, các cháu vẫn phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh T xác định đủ điều kiện để nuôi con một mình nên không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (Chị Đông Thị V) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng chị V vắng mặt, gia đình (bà Đinh Thị T- là mẹ đẻ của chị V) cung cấp như sau: Gia đình đã nhận được các thông báo, quyết định cũng như giấy triệu tập của Tòa án và thông báo, giao lại các giấy tờ của Tòa án cho chị V. Khi chị V về nhà, bà T cũng đã báo cho chị V về việc Tòa án có giấy triệu tập lên để giải quyết việc ly hôn giữa anh T và chị V, chị V nói vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, vợ chồng không thể ở được với nhau, anh T có đơn xin ly hôn thì chị V cũng nhất trí, hiện nay chị V đi làm ăn kinh tế bận không thể lên Tòa án để giải quyết việc ly hôn được đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định. Địa chỉ cụ thể chị V làm ăn kinh tế ở đâu gia đình cũng không nắm được, chị V không nói cho gia đình biết. Về con chung: Anh T và chị V có hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/10/2002 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 27/10/2005. Hiện nay hai cháu vẫn ở với anh T và ông bà nội, các cháu vẫn phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị V và gia đình đều đồng ý và đề nghị giải quyết để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng anh T và chị V. Về tài sản, công sức: Chị V và gia đình xác định có công sức nhưng để lại toàn bộ cho con chung của chị V và anh T,

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng đất: Hai bên không còn liên quan gì đến nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2017 của anh Nguyễn Văn T đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đông Thị V (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh T thấy rằng: qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: vợ chồng anh T và chị V từ khi kết hôn có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Thực tế anh T và chị V ly thân đã lâu, chị V không đến Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải, anh T có đơn xin ly hôn chị V cũng đồng ý. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh T được ly hôn chị V là phù hợp. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T xin ly hôn chị Đông Thị V cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của đương sự thấy rằng: anh T và gia đình chị V đều xác định vợ chồng anh T, chị V có 02 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/10/2002 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 27/10/2005. Hiện nay hai cháu vẫn ở với anh T và ông bà nội, các cháu vẫn phát triển bình. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh T đề nghị được tiếp tục uôi cả hai con chung của vợ chồng, gia đình chị V xác đinh ý chị V cũng đồng ý và đề nghị giải quyết để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Xét thấy từ trước đến nay anh T vẫn nuôi cả hai con chung của vợ chồng, các cháu vẫn phát triển bình thường, chị V thường xuyên không có nhà, cũng đồng ý và đề nghị giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ cần giao Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/10/2002 và Nguyễn Văn M, sinh ngày

27/10/2005 cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị của anh T cần được chấp nhận. Chị V được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Xét việc anh T không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: việc anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[3]. Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đông Thị V.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/10/2002 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 27/10/2005. Chị Đông Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị V được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001871 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đông Thị V.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/10/2002 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 27/10/2005. Chị Đông Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị V được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001871 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn